TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1014/2023/HC-PT
Ngày: 28-11-2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Ông Lê Văn An

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Thanh Sơn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 566/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính*" do Bản án hành chính sơ thẩm số 344/2023/HC-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2707/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: E N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lư Quang V, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: E N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 04/8/2022 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

Địa chỉ: E Đoàn N, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Trường Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (có mặt)

(Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 về việc ủy quyền tham gia tố tụng)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lâm Quốc D là Công chức địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp và Môi trường (có mặt)

(Giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 8139/UBND ngày 22/11/2022)

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Địa chỉ: C T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

(Giấy ủy quyền số 2843/GUQ-UBND ngày 07/7/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T2 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (có mặt)

(Giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 2844/UBND ngày 07/7/2023)

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Người khởi kiện ông Trần Văn T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất do ông Trần Văn T nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Ngọc H một phần thửa 613, tờ bản đồ số 11 (TL02/CT-UB) diện tích 140m^2 tọa lạc tại ấp C xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ số 1813QSDĐ/Hưng Long ngày 05/07/2002 với tổng diện tích 2.061m^2, tờ bản đồ số 11 (TL02/CT-UB) thuộc ấp C xã H, bằng hợp đồng chuyển nhượng chưa được công chứng, chứng thực.

Ngày 26/11/2021 Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường xã H lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC tại thửa 613, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB, tương ứng một phần thửa 09, tờ bản đồ số 65 (BĐĐC), xã H, huyện B với hành vi vi phạm hành chính: chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng lúa) sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép với hiện trạng trên đất có công trình (nhà ở) cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tôn, diện tích 94m^2, thời điểm vi phạm năm 2012.

Ngày 29/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H - Cao Hoàng T3 ký (sau đây viết tắt là "Quyết định 346") theo Quyết định giao quyền xử phạt số 5806/QĐ-UBND ngày 22/10/2021.

Ngày 02/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định số 816/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu) (sau đây viết tắt là "Quyết định 816") với nội dung không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trần Văn T.

Ngày 07/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3637/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần hai) (sau đây viết tắt là "Quyết định 3637") với nội dung: Công nhận và giữ nguyên nội

dung Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H là đúng. Yêu cầu ông Trần Văn T chấp hành và thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021.

Ngày 20/6/2022, ông Trần Văn T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021, Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 và Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 07/6/2022.

* Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Văn T có ông Lư Quang V trình bày:

Đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại lần hai vì:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 ban hành trái quy định của pháp luật. Do ông T mua đất ngày 10/01/2006 và xây nhà cư trú từ tháng 3/2006 đến nay nhưng Phó Chủ tịch xã H căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC do Công chức Địa chính lập hồi 9 giờ 45, ngày 26/11/2021 để xử lý vi phạm. Trong khi thời gian này vợ chồng ông T đều đi làm và không có hành vi hành chính vi phạm nào để bị lập biên bản vi phạm hành chính. Mặt khác Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346 căn cứ vào Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346 là trái quy định của pháp luật do các căn cứ ban hành quyết định xử phạt đều có hiệu lực pháp luật sau thời điểm mua đất, xây nhà của ông T.

* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H có văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 4388/UBND ngày 25/8/2022 như sau:

Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC do Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường xã H lập hồi 9 giờ 45, ngày 26/11/2021 tại thửa 613, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB, xã H. Đến ngày 29/11/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H - C ký theo Quyết định giao quyền xử phạt số 5806/QĐ-UBND ngày 22/10/2021.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 3 Điều 9; khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H - C ký là đúng thẩm quyền.

Căn cứ hồ sơ đăng ký tạm trú, giấy đề nghị mua điện của ông Đ1 được duyệt ngày 22/3/2012 và Hợp đồng điện phục vụ sinh hoạt thực tế tại vị trí căn nhà C ấp C, xã H, huyện B được ông Phạm Văn Đ1 ký ngày 30/3/2012, đã xác định thời điểm vi phạm hành chính năm 2012 của ông Trần Văn T. Căn cứ Đơn xin cấp Sổ KT3 do ông Trần Văn T ký ngày 11/6/2013, có thể hiện nội dung: "Tôi vợ và con có đăng ký xin tạm trú dài hạn từ tháng 3/2012 cho đến nay tại địa chỉ C tổ D ấp C xã H". Căn cứ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu do ông Trần Văn T ký ngày 09/4/2012 có ý kiến của chủ hộ là ông Phan Văn Đ2 về việc đồng ý cho ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh T4 (vợ ông T) và bé Trần Duy T5 (con ông T) tạm trú dài hạn tại địa chỉ C tổ D ấp C xã H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ số 1813QSDĐ/Hưng Long ngày 05/07/2002 cấp cho ông Phạm Văn Đ1 với tổng diện tích 2.061m^2, trong đó có thửa 613, diện tích 1.288m^2, loại đất 2L, tờ bản đồ số 11 (TL02/CT-UB) thuộc ấp C xã H. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC do Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường xã H lập hồi 9 giờ 45, ngày 26/11/2021 tại thửa 613, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB, tương ứng một phần thửa 09, tờ bản đồ số 65 (BĐĐC), xã H, huyện B có hiện trạng trên đất có công trình (nhà ở) cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tôn, diện tích 94m^2. Các cơ sở pháp lý nêu trên xác định thời điểm ông Trần Văn T chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là năm 2012.

Việc lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC do Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường xã H lập hồi 9 giờ 45, ngày 26/11/2021, tại thửa 613, tờ bản đồ số 11 theo tài liệu 02/CT-UB, xã H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346 có đầy đủ nội dung theo quy định của mẫu MQĐ02 được ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ, phù hợp nội dung Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC và điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 58 và khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, đúng về thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và mẫu MQĐ02 được ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ. Quy định pháp luật không bắt buộc Quyết định xử lý vi phạm hành chính phải đóng dấu giáp lai.

Như vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346 là đúng. Ông Trần Văn T khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H - C ký là không phù hợp.

Căn cứ quy định tại Điều 17, Luật Khiếu nại năm 2011; Khoản 1, Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định căn cứ quy định của pháp luật, kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kết quả đối thoại;

mẫu số 15 được ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu) là đúng căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành.

Căn cứ Khoản 2, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; mẫu số 15 được ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 là đảm bảo đầy đủ nội dung.

Ngày 07/01/2022, Chủ tịch UBND xã H ban hành Thông báo số 76/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T. Ngày 11/01/2022, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 09/02/2022, Tổ xác minh UBND xã H có Báo cáo số 03/BC-TXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Trần Văn T. Ngày 24/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H tổ chức buổi đối thoại (lần 2) với người khiếu nại là ông Trần Văn T, ông Lư Quang V đại diện ông Trần Văn T tham dự buổi đối thoại.

Căn cứ Báo cáo kết quả xác minh của Tổ xác minh và kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu). Thời gian giải quyết khiếu nại là 34 ngày làm việc.

Ngày 03/3/2022, UBND xã H có Biên bản niêm yết Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 tại địa chỉ vi phạm C19/30E ấp C, xã H, huyện B và tại Bảng thông báo của UBND xã H, huyện B. Ngày 17/3/2022, UBND xã H có Biên bản kết thúc niêm yết Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 tại địa chỉ vi phạm C19/30E ấp C, xã H, huyện B và tại Bảng thông báo của Ủy ban nhân dân xã H, huyện B.

Như vậy, căn cứ Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thời hạn giải quyết lần đầu; Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định tổ chức đối thoại; Điều 32 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu) là trễ hạn nhưng đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Đồng thời, đúng về thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và mẫu số 15 được ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Khắc phục việc giải quyết hồ sơ trễ hạn, UBND xã H đã ban hành Thư xin lỗi số 3889/TXL-UBND ngày 13/7/2022.

Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu) có số trang từ số 1 đến số 8, thực hiện đúng mẫu số 15 được ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ là đúng về thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu) là đúng. Ông Trần Văn T khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch UBND xã H, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu) là không phù hợp.

* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 3694/UBND ngày 12/10/2022 như sau:

Căn cứ Điều 18, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Quyết định số 5806/QĐ-GQXP ngày 22/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Theo Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC do Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường xã H lập hồi 9 giờ 45, ngày 26/11/2021 tại thửa 613, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB, xã H.

Trên cơ sở kết quả xác minh theo Báo cáo số 552/BC-TTH ngày 09/5/2022 của Thanh tra Nhà nước về kết quả xác minh các khiếu nại của ông Trần Văn T liên quan đến Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 và Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu). Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H do Cao Hoàng T3 ký là đúng.

Căn cứ Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011, khoản 1 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; mẫu số 15 được ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu) là đúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 3637/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 về giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Trần Văn T là đúng. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 344/2023/HC-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật khiếu nại 2011; Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện B; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3637/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2023 người khởi kiện ông Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện ông Trần Văn T ủy quyền cho ông Lư Quang V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Về thời điểm xây nhà, Ủy ban nhân dân xã H cho rằng ông T xây nhà năm 2012 là không có cơ sở vì người bán đất cho ông T đã xác nhận việc ông T xây nhà chỉ sau 1,2 năm kể từ năm 2006 (khi ông T nhận chuyển nhượng đất). Ủy ban nhân dân huyện B áp dụng luật năm 2019 để xử phạt một hành vi đã xảy ra từ năm 2006, đồng thời chỉ một hành vi xây dựng trái phép của ông T vào năm 2006 mà ông T đã nhận 03 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là không đúng pháp luật. Quy hoạch đất của ông T là đất ở nông thôn hiện hữu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Ủy ban nhân dân huyện B cũng đã xem xét đến hoàn cảnh của gia đình ông T, hướng dẫn ông T làm đúng thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Hành vi vi phạm của ông Trần Văn T vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định, việc lập biên bản vi phạm vắng mặt ông T nhưng đã có người chứng kiến là phù hợp quy định pháp luật. Việc xử phạt của Ủy ban nhân dân xã và giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền là có căn cứ. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn T là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T trong hạn luật định, hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định sau:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện B;

+ Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện B;

+ Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3637/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của các Quyết định bị kiện:

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 346 ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Quyết định số 816 và Quyết định số 3637 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại.

[2.2.2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của quyết định số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H:

Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Văn T đã có hành vi vi phạm chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Thời điểm vi phạm: năm 2012, vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Như vậy, hành vi chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm đang thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, hành vi vi phạm hành chính do ông Trần Văn T trực tiếp thực hiện vẫn còn thời hiệu xử phạt theo quy định.

Căn cứ Biên bản số 35/BB-VPHC ngày 26/11/2021 do Công chức địa chính xã lập tại thời điểm ông Trần Văn T - chủ đầu tư vắng mặt có sự chứng kiến ký tên xác nhận của ông Đào Hoàng V1 và Nguyễn Thành L là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 xử phạt hành chính đối với ông Trần Văn T là có căn cứ.

Xét Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022:

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định xử phạt số 346 là đúng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung giữ nguyên Quyết định số 346 đúng quy định pháp luật nên không có cơ sở hủy Quyết định số 816 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H như nhận định của cấp sơ thẩm là có cơ sở.

Xét Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện B**:**

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định xử phạt số 346 là đúng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung giữ nguyên Quyết định số 816 và yêu cầu ông T thực hiện Quyết định số 346 là có cơ sở, do đó không có cơ sở hủy Quyết định số 3637 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng mới ngoài những chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Trần Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 344/2023/HC-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện B; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 816/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3637/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng được khấu đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004447 ngày 25/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Văn Mười

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự (3);
- Lưu HS (2), VP(5) (15B). (LTTT).